

Số: 4056/BC-SGDĐT

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Về quản lý thông tin BDTX cho GV và CBQL CSGD (Báo cáo TEMIS)
của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn năm 2023**

Kính gửi: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT

Thực hiện Công văn số 2104/BGĐT-NGCBQLGD ngày 12/5/2023 của Bộ GDĐT về việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục MN, PT, TTGDTX và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2023, Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn kính gửi Báo cáo TEMIS với nội dung như sau:

PHẦN A: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

A.1. Kết quả đánh giá và xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

A.1.1. Kết quả GV hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số GV theo cấp học

- Tình hình chung: Tổng số giáo viên đã được cấp tài khoản: 13609 người, trong đó: nữ: 11038 người, dân tộc thiểu số: 10888 người; nữ dân tộc thiểu số: 9061 người; vùng khó khăn: 6607 người; Số giáo viên đã hoàn thành đánh giá: 12961 người (chiếm 95,2%).

- Cấp trung học cơ sở là cấp học có số giáo viên hoàn thành đánh giá cao nhất là: 3101 người (97,2%), cấp THPT là cấp học có số giáo viên hoàn thành đánh giá thấp nhất là 1508 người (88,3%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.1)

A.1.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của GV theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức TỐT: 4937 người (38,09%), trong đó: nữ: 4143 người, dân tộc thiểu số: 3878 người, nữ dân tộc thiểu số: 3279 người, vùng khó khăn: 2206 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức KHÁ: 7607 người (58,69%), trong đó: nữ: 6238 người, dân tộc thiểu số: 6359 người, nữ dân tộc thiểu số: 5260 người, vùng khó khăn: 3999 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức ĐẠT: 365 người (2,82%), trong đó: nữ: 292 người, dân tộc thiểu số: 333 người, nữ dân tộc thiểu số: 267 người, vùng khó khăn: 213 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 52 người (0,4%), trong đó: nữ: 49 người, dân tộc thiểu số: 47 người, nữ dân tộc thiểu số: 45 người, vùng khó khăn: 30 người.

- Cấp THPT có tỉ lệ giáo viên được đánh giá ở mức TỐT cao nhất (49,8%), cấp Mầm non có tỉ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất 29,48%.

- Giáo viên cấp Tiểu học có tỉ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT cao nhất trong giáo viên các cấp (35 người, chiếm 0,78%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.2)

A.2. Kết quả đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn hiệu trưởng

A.2.1. Kết quả CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số CBQL theo cấp học

- Tổng số CBQL: 1673 người, trong đó:
 - + Hiệu trưởng: 649 người, nữ: 471 người, dân tộc thiểu số: 459 người, nữ dân tộc thiểu số: 342 người, vùng khó khăn: 355 người.
 - + Phó Hiệu trưởng: 1024 người, nữ: 790 người, dân tộc thiểu số: 771 người, nữ dân tộc thiểu số: 612 người, vùng khó khăn: 530 người.
- Tổng số CBQL đã được đánh giá: 1629 người, trong đó:
 - + Hiệu trưởng: 632 người, nữ: 462 người, dân tộc thiểu số: 446 người, nữ dân tộc thiểu số: 337 người, vùng khó khăn: 349 người.
 - + Phó Hiệu trưởng: 997 người, nữ: 776 người, dân tộc thiểu số: 751 người, nữ dân tộc thiểu số: 601 người, vùng khó khăn: 517 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.1)

A.2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung CBQL theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

- Tổng số CBQL: 724 người được đánh giá ở mức TỐT (44,44%); 890 người được đánh giá ở mức KHÁ (54,63%); 15 người được đánh giá ở mức ĐẠT (0,92%), không có CBQL bị đánh giá chưa đạt, trong đó:
 - + Tổng số Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức TỐT: 292 người (46,2%), trong đó: nữ: 234 người, dân tộc thiểu số: 200 người, nữ dân tộc thiểu số: 170 người, vùng khó khăn: 138 người.
 - + Tổng số Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức KHÁ: 334 người (52,85%), trong đó: nữ: 223 người, dân tộc thiểu số: 240 người, nữ dân tộc thiểu số: 162 người, vùng khó khăn: 2073 người.
 - + Tổng số Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức ĐẠT: 06 người (0,95%), trong đó: nữ: 05 người, dân tộc thiểu số: 06 người, nữ dân tộc thiểu số: 05 người, vùng khó khăn: 04 người.
 - + Tổng số Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 0 người
 - + Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức TỐT: 432 người (43,33%), trong đó: nữ: 354 người, dân tộc thiểu số: 331 người, nữ dân tộc thiểu số: 283 người, vùng khó khăn: 189 người.
 - + Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức KHÁ: 556 người (55,77%), trong đó: nữ: 416 người, dân tộc thiểu số: 412 người, nữ dân tộc thiểu số: 313 người, vùng khó khăn: 321 người.
 - + Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức ĐẠT: 09 người (0,9%), trong đó: nữ: 06 người, dân tộc thiểu số: 08 người, nữ dân tộc thiểu số: 05 người, vùng khó khăn: 07 người.
 - + Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 0 người.
- CBQL cấp THPT có tỉ lệ CBQL được đánh giá ở mức TỐT cao nhất (62,89%), cấp THCS có tỉ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (36,02%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.2).

PHẦN B: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN

B.1. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG về chương trình bồi dưỡng thường xuyên: không có

B.2. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của CBQLCSGDPT về chương trình bồi dưỡng thường xuyên: không có

PHẦN C: BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CỦA GIÁO VIÊN VÀ CBQLCSGD THEO CÁC TIÊU CHÍ TRONG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

C.1. Nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá theo chuẩn

C.1.1. Nhu cầu bồi dưỡng của GIÁO VIÊN

- Tổng số giáo viên được đánh giá và xếp loại 12961 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

Cấp Mầm non:

+ Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân: 59 người, trong đó: nữ 59 người, dân tộc thiểu số: 54 người, nữ dân tộc thiểu số: 54 người, vùng khó khăn: 30 người.

+ Tiêu chí 6. Giáo dục phát triển toàn diện trẻ em: 48 người, trong đó: nữ 48 người, dân tộc thiểu số: 46 người, nữ dân tộc thiểu số: 46 người, vùng khó khăn: 21 người.

+ Tiêu chí 13. Sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc tiếng dân tộc của trẻ em: 167 người, trong đó: nữ 167 người, dân tộc thiểu số: 126 người, nữ dân tộc thiểu số: 126 người, vùng khó khăn: 71 người.

+ Tiêu chí 14. Ứng dụng công nghệ thông tin: 103 người, trong đó: nữ 102 người, dân tộc thiểu số: 93 người, nữ dân tộc thiểu số: 93 người, vùng khó khăn: 46 người.

+ Tiêu chí 15. Thể hiện khả năng nghệ thuật trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em: 64 người, trong đó: nữ 63 người, dân tộc thiểu số: 56 người, nữ dân tộc thiểu số: 56 người, vùng khó khăn: 35 người.

Cấp Tiểu học:

+ Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân: 202 người, trong đó: nữ 160 người, dân tộc thiểu số: 190 người, nữ dân tộc thiểu số: 151 người, vùng khó khăn: 131 người.

+ Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 180 người, trong đó: nữ 149 người, dân tộc thiểu số: 167 người, nữ dân tộc thiểu số: 138 người, vùng khó khăn: 109 người.

+ Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 182 người, trong đó: nữ 156 người, dân tộc thiểu số: 170 người, nữ dân tộc thiểu số: 146 người, vùng khó khăn: 114 người.

+ Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại hoặc tiếng dân tộc: 364 người, trong đó: nữ 282 người, dân tộc thiểu số: 312 người, nữ dân tộc thiểu số: 244 người, vùng khó khăn: 242 người.

+ Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: 305 người, trong đó: nữ 240 người, dân tộc thiểu số: 279 người, nữ dân tộc thiểu số: 220 người, vùng khó khăn: 214 người.

Cấp Trung học cơ sở:

+ Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân: 49 người, trong đó: nữ 35 người, dân tộc thiểu số: 41 người, nữ dân tộc thiểu số: 29 người, vùng khó khăn: 28 người.

+ Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường: 48 người, trong đó: nữ 36 người, dân tộc thiểu số: 41 người, nữ dân tộc thiểu số: 31 người, vùng khó khăn: 26 người.

+ Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh: 47 người, trong đó: nữ 32 người, dân tộc thiểu số: 43 người, nữ dân tộc thiểu số: 30 người, vùng khó khăn: 26 người.

+ Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại hoặc tiếng dân tộc: 173 người, trong đó: nữ 121 người, dân tộc thiểu số: 121 người, nữ dân tộc thiểu số: 86 người, vùng khó khăn: 82 người.

+ Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: 75 người, trong đó: nữ 55 người, dân tộc thiểu số: 64 người, nữ dân tộc thiểu số: 46 người, vùng khó khăn: 39 người.

Cấp Trung học phổ thông:

+ Tiêu chí 8. Xây dựng văn hoá nhà trường: 05 người, trong đó: nữ 03 người, dân tộc thiểu số: 03 người, nữ dân tộc thiểu số: 02 người, vùng khó khăn: 01 người.

+ Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường: 06 người, trong đó: nữ 02 người, dân tộc thiểu số: 04 người, nữ dân tộc thiểu số: 02 người, vùng khó khăn: 01 người.

+ Tiêu chí 10. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh: 47 người, trong đó: nữ 32 người, dân tộc thiểu số: 43 người, nữ dân tộc thiểu số: 30 người, vùng khó khăn: 26 người.

+ Tiêu chí 14. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường: 11 người, trong đó: nữ 07 người, dân tộc thiểu số: 09 người, nữ dân tộc thiểu số: 06 người, vùng khó khăn: 03 người.

+ Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: 15 người, trong đó: nữ 10 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 06 người, vùng khó khăn: 07 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)

C.1.2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQLCSGDPT

- Tổng số CBQLCSGDPT được đánh giá và xếp loại 1629 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

Cấp Mầm non:

+ Tiêu chí 4: Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường: 40 người, trong đó: nữ 39 người, dân tộc thiểu số: 36 người, nữ dân tộc thiểu số: 35 người, vùng khó khăn: 29 người.

+ Tiêu chí 7. Quản trị nhân sự nhà trường: 203 người, trong đó: nữ 201 người, dân tộc thiểu số: 157 người, nữ dân tộc thiểu số: 155 người, vùng khó khăn: 96 người.

Tiêu chí 8. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 17 người, trong đó: nữ 17 người, dân tộc thiểu số: 14 người, nữ dân tộc thiểu số: 14 người, vùng khó khăn: 06 người.

Tiêu chí 9. Quản trị tài chính nhà trường: 339 người, trong đó: nữ 336 người, dân tộc thiểu số: 267 người, nữ dân tộc thiểu số: 264 người, vùng khó khăn: 158 người.

Tiêu chí 16. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, địa phương trong huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường: 22 người, trong đó: nữ 22 người, dân tộc thiểu số: 09 người, nữ dân tộc thiểu số: 09 người, vùng khó khăn: 05 người.

Cấp Tiểu học:

Tiêu chí 6. Quản trị nhân sự nhà trường: 56 người, trong đó: nữ 44 người, dân tộc thiểu số: 45 người, nữ dân tộc thiểu số: 35 người, vùng khó khăn: 33 người.

Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 10 người, trong đó: nữ 05 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 05 người, vùng khó khăn: 09 người.

Tiêu chí 8. Quản trị tài chính nhà trường: 104 người, trong đó: nữ 79 người, dân tộc thiểu số: 85 người, nữ dân tộc thiểu số: 62 người, vùng khó khăn: 61 người.

Tiêu chí 9. Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường: 10 người, trong đó: nữ 07 người, dân tộc thiểu số: 09 người, nữ dân tộc thiểu số: 06 người, vùng khó khăn: 08 người.

Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ: 24 người, trong đó: nữ 13 người, dân tộc thiểu số: 22 người, nữ dân tộc thiểu số: 13 người, vùng khó khăn: 20 người.

Cấp THCS:

Tiêu chí 6. Quản trị nhân sự nhà trường: 54 người, trong đó: nữ 36 người, dân tộc thiểu số: 37 người, nữ dân tộc thiểu số: 26 người, vùng khó khăn: 33 người.

Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 12 người, trong đó: nữ 09 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 07 người, vùng khó khăn: 10 người.

Tiêu chí 8. Quản trị tài chính nhà trường: 68 người, trong đó: nữ 41 người, dân tộc thiểu số: 46 người, nữ dân tộc thiểu số: 31 người, vùng khó khăn: 44 người.

Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ: 35 người, trong đó: nữ 17 người, dân tộc thiểu số: 24 người, nữ dân tộc thiểu số: 11 người, vùng khó khăn: 24 người.

Tiêu chí 18. Ứng dụng công nghệ thông tin: 10 người, trong đó: nữ 07 người, dân tộc thiểu số: 07 người, nữ dân tộc thiểu số: 04 người, vùng khó khăn: 09 người.

Cấp THPT:

Tiêu chí 6. Quản trị nhân sự nhà trường: 09 người, trong đó: nữ 08 người, dân tộc thiểu số: 08 người, nữ dân tộc thiểu số: 07 người, vùng khó khăn: 01 người.

Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 01 người, trong đó: nữ 01 người, dân tộc thiểu số: 01 người, nữ dân tộc thiểu số: 01 người, vùng khó khăn: 0 người.

Tiêu chí 8. Quản trị tài chính nhà trường: 13 người, trong đó: nữ 09 người, dân tộc thiểu số: 09 người, nữ dân tộc thiểu số: 08 người, vùng khó khăn: 03 người.

Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ: 02 người, trong đó: nữ 0 người, dân tộc thiểu số: 01 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 02 người.

Tiêu chí 18. Ứng dụng công nghệ thông tin: 01 người, trong đó: nữ 0 người, dân tộc thiểu số: 01 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 01 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)

C.2. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của giáo viên

C.2.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên

- Tổng số giáo viên đã tự đánh giá 12961 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Phát triển chuyên môn bản thân (5577 người, trong đó: cấp Mầm non 1478 người, cấp Tiểu học 2106 người, cấp THCS 1339 người, cấp THPT 654 người).

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em (cấp Mầm non 615 người); Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (cấp Tiểu học 1097 người); Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (cấp THCS 811 người); Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học (cấp THPT 512 người).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2.1)

C.2.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng

+ Trong hè: Nhu cầu chung 4040 người, nữ 3273 người, dân tộc thiểu số 3262 người, nữ dân tộc thiểu số 2649 người, vùng khó khăn 2029 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 3687 người, nữ 3108 người, dân tộc thiểu số 3021 người, nữ dân tộc thiểu số 2550 người, vùng khó khăn 1900 người.

C.2.3. Điều kiện thực hiện

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 6869 người, trong đó: nữ là 5682 người, dân tộc thiểu số là 5546 người, nữ dân tộc thiểu số là 4623 người, vùng khó khăn là 3443 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2.3)

C.3. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của CBQL CSGD

C.3.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của CBQL CSGD

- Tổng số CBQL CSGD đã tự đánh giá 1629 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của CBQL CSGD được lựa chọn nhiều nhất là: Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân (cấp Mầm non 235 người nhu cầu chung, trong đó nữ là 231 người, dân tộc thiểu số là 192 người, nữ dân tộc thiểu số là 188 người, vùng khó khăn là 102 người); Sử dụng ngoại ngữ (cấp Tiểu học 164 người nhu cầu chung, trong đó nữ là 120 người, dân tộc thiểu số là 119 người, nữ dân tộc thiểu số là 84 người, vùng khó khăn là 84 người, cấp THCS 116 người nhu cầu chung, trong đó nữ là 59 người, dân tộc thiểu số là 80 người, nữ dân tộc thiểu số là 43 người, vùng khó khăn là 71 người); Quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường (cấp THPT 36 người nhu cầu chung, trong đó nữ là 17 người, dân tộc thiểu số là 20 người, nữ dân tộc thiểu số là 13 người, vùng khó khăn là 15 người).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

C.3.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng

+ Trong hè: Nhu cầu chung 679 người (cấp Mầm non 216 người, cấp Tiểu học 234 người, cấp THCS 182, cấp THPT 47 người), trong đó: nữ 503 người, dân tộc thiểu số 494 người, nữ dân tộc thiểu số 393 người, vùng khó khăn 373 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 434 người (cấp Mầm non 178 người, cấp Tiểu học 118 người, cấp THCS 103, cấp THPT 35 người), trong đó: nữ 338 người, dân tộc thiểu số 306 người, nữ dân tộc thiểu số 235 người, vùng khó khăn 224 người.

C.3.3. Điều kiện thực hiện

- Nội dung về điều kiện thực hiện của CBQL CSGD được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 996 người, trong đó nữ 750 người, dân tộc thiểu số 723 người, nữ dân tộc thiểu số 568 người, vùng khó khăn 530 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CHUNG

D.1. Ưu điểm

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trường học trong công tác đánh giá trên hệ thống TEMIS năm 2022 theo đúng văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với chi nhánh Viettel Lạng Sơn trong công tác hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện tự đánh giá trên Hệ thống TEMIS năm học 2022-2023, đặc biệt là đối với CBQL, giáo viên cấp học mầm non.

- Đa số giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đã tham gia đánh giá và tải minh chứng đánh giá theo các tiêu chí lên Hệ thống TEMIS.

- Tỷ lệ hoàn thành tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp và tải minh chứng đánh giá lên hệ thống đạt trên 95%.

D.2. Tồn tại

- Hệ thống còn cập nhật những tài khoản ảo vào trong một số cơ sở giáo dục. Dẫn đến tình trạng cơ sở giáo dục đã hoàn thành 100% tự đánh giá, tuy nhiên sau đó lại không đạt 100% do có những tài khoản ảo, tài khoản của nhân viên không thuộc đối tượng đánh giá chuẩn.

- Tỷ lệ CBQL, GV chưa hoàn thành tự đánh giá còn trên 4%.

- Việc cập nhật minh chứng của một số giáo viên và cán bộ quản lý cho các mức tự đánh giá chưa đảm bảo chất lượng.

***) Nguyên nhân**

Có một số giáo viên mới tuyển dụng chưa có tài khoản, hoặc có tài khoản nhưng thời gian công tác còn ít, chưa đủ điều kiện đánh giá.

Nhiều giáo viên có nhiều hơn 1 tài khoản, có giáo viên đã chuyển đổi vị trí công tác nên trong thống kê còn nhiều tài khoản chưa hoàn thành. Trên thực tế thì các tài khoản thừa, và giáo viên chuyển đổi vị trí công tác đã được cập nhật đầy đủ kết quả đánh giá và minh chứng ở tài khoản chính rồi.

D.3. Kiến nghị, đề xuất

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống TEMIS để giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện đánh giá thuận tiện, đồng thời đề Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng hệ thống dữ liệu, xử lý số liệu thống kê phục vụ công tác cán bộ, công tác bồi dưỡng thường xuyên được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Quốc Tuấn